

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	9
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	10
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	11
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	14

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

THÔNG TIN CHUNG

**Giấy phép phát hành
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

01/GP-QĐT cấp ngày 24 tháng 3 năm 2004

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ

01/UBCK-NYQĐT cấp ngày 22 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

01/UBCK-ĐKQĐT cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

Ban đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Thanh Hùng
Ông Lưu Đức Khánh
Bà Huỳnh Quế Hà
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Ông Hoàng Kiên
Ông Phan Minh Tuấn
Ông Lê Văn Phú
Ông Đặng Thái Nguyên

Chủ tịch (từ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2010)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của Quỹ là không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được ghi chép đúng đắn và đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 15 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2659
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MẪU SỐ B 01 - QĐT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	142.813.506.433	146.471.377.499
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	1.976.976.468.686	2.266.372.884.979
121	3. Đầu tư khác		-	81.500.000.000
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	3.3	2.080.506.400	17.790.076.200
131	5. Phải thu khác	3.4	16.725.608.391	15.896.257.889
200	TỔNG TÀI SẢN		2.138.596.089.910	2.528.030.596.567
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		12.328.300.187	48.160.042.446
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.5	7.184.788.836	38.036.770.514
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		91.999.996	92.000.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.6	3.706.154.663	4.312.825.480
316	4. Phải trả thuế TNDN trên cổ tức	3.7	-	3.985.166.812
318	5. Phải trả khác	3.8	1.345.356.692	1.733.279.640
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.126.267.789.723	2.479.870.554.121
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		2.224.170.820.910	2.224.170.820.910
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.9.1	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	1.2 Thặng dư vốn	3.9.2	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.10	(97.903.031.187)	255.699.733.211
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.138.596.089.910	2.528.030.596.567

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**MẪU SỐ B 01 - QĐT****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá		497.679.710.000	600.940.930.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MẪU SỐ B 02 - QĐT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

		Niên độ kết thúc ngày	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	
			31.12.2010 VNĐ
			31.12.2009 VNĐ
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư		142.176.696.232
11	1. Cổ tức được nhận		305.232.407.984
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		67.443.282.226
13	3. Lãi tiền gửi		6.340.065.000
14	4. Thu nhập bán chứng khoán		17.212.174.596
18	5. Thu nhập khác		16.938.535.078
			47.774.114.974
			226.505.685.919
			3.407.059.436
			699.665
30	II. Chi phí		53.383.728.016
31	1. Phí quản lý Quỹ và thưởng hoạt động	3.12 (i)	50.997.609.610
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.12 (ii)	47.222.643.954
33	3. Phí Đại hội thường niên		43.724.806.268
34	4. Chi phí kiểm toán		1.946.394.612
38	5. Phí và chi phí khác	3.11	1.856.576.787
			935.800.583
			1.901.433.531
			295.749.300
			283.742.041
			2.983.139.567
			3.231.050.983
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		88.792.968.216
			254.234.798.374

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**MẪU SỐ B 02 - QĐT****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**
(tiếp theo)

		Niên độ kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Chỉ tiêu			
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập	144.324.651.799	737.508.533.359
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư	144.324.651.799	737.508.533.359
70	II. Chi phí	436.720.384.413	88.844.820.960
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	436.720.384.413	88.844.820.960
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện	(292.395.732.614)	648.663.712.399
90	(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	(203.602.764.398)	902.898.510.773

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
MẪU SỐ B 05 - QĐT
BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12	
		2010 VNĐ	2009 VNĐ
1	Tiền	142.813.506.433	146.471.377.499
2	Các khoản đầu tư	1.976.976.468.686	2.347.872.884.979
2.1	Trái phiếu	-	160.523.350.000
2.2	Cổ phiếu	1.975.772.968.686	2.049.758.534.979
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	1.617.484.177.300	1.572.847.332.500
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	358.288.791.386	476.911.202.479
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	1.203.500.000	56.091.000.000
2.4	Đầu tư khác	-	81.500.000.000
3	Cổ tức được nhận	13.937.191.726	3.023.934.000
4	Lãi được nhận	1.738.416.665	7.822.323.889
5	Phải thu bán chứng khoán	2.080.506.400	17.790.076.200
6	Phải thu khác	1.050.000.000	5.050.000.000
	Tổng tài sản	2.138.596.089.910	2.528.030.596.567
7	Phải trả giao dịch chứng khoán	7.184.788.836	38.036.770.514
8	Phải trả khác	5.143.511.351	10.123.271.932
	Tổng nợ	12.328.300.187	48.160.042.446
	Tài sản ròng của Quỹ	2.126.267.789.723	2.479.870.554.121
9	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
10	Giá trị của một đơn vị quỹ	21.263	24.799

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MẪU SỐ B 06 - QĐT

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Mã số	Chi tiêu	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	2.479.870.554.121	1.696.972.043.348
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(353.602.764.398)	782.898.510.773
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(203.602.764.398)	902.898.510.773
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	2.126.267.789.723	2.479.870.554.121

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
MẪU SỐ B 07 - QĐT
**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

Stt	Chi tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			1.617.484.177.300	75,63
1	ACB	119.620	25.600	3.062.272.000	0,14
2	BVS	1.380	28.600	39.468.000	0,00
3	BCI	2.016.016	31.300	63.101.300.800	2,95
4	BVH	3.000	64.500	193.500.000	0,01
5	DIG	484.328	41.000	19.857.448.000	0,93
6	DPM	5.203.100	38.000	197.717.800.000	9,25
7	DPR	792.960	68.000	53.921.280.000	2,52
8	FPT	427.270	64.500	27.558.915.000	1,29
9	HAG	1.012.600	81.000	82.020.600.000	3,84
10	HDG	594.100	75.000	44.557.500.000	2,08
11	HPG	1.662.175	38.700	64.326.172.500	3,01
12	IMP	145.000	61.500	8.917.500.000	0,42
13	GMD	1.663.870	33.200	55.240.484.000	2,58
14	LSS	623.020	35.500	22.117.210.000	1,03
15	KSB	1.327.580	62.000	82.309.960.000	3,85
16	KDC	209.090	51.500	10.768.135.000	0,50
17	NTL	2.746.690	64.000	175.788.160.000	8,22
18	PVD	1.886.323	53.000	99.975.119.000	4,67
19	PVX	954.616	22.100	21.097.013.600	0,99
20	QCG	865.400	27.100	23.452.340.000	1,10
21	S96	433.200	32.200	13.949.040.000	0,65
22	SDT	740.000	47.400	35.076.000.000	1,64
23	SJS	3.822.140	61.500	235.061.610.000	10,99
24	SD5	1.153.800	44.500	51.344.100.000	2,40
25	SC5	80.120	38.500	3.084.620.000	0,14
26	TCM	24.346	23.500	572.131.000	0,03
27	TTF	328.185	17.500	5.743.237.500	0,27
28	VCS	202.700	34.600	7.013.420.000	0,33
29	VCG	444.207	24.700	10.971.912.900	0,51
30	VC2	546.400	41.600	22.730.240.000	1,06
31	VNM	794.430	86.000	68.320.980.000	3,19
32	VST	1.115.960	11.800	13.168.328.000	0,62
33	VSC	98.000	63.000	6.174.000.000	0,29
34	VIS	105.800	31.600	3.343.280.000	0,16
35	VMC	718.000	58.600	42.074.800.000	1,97
36	XMC	2.011.000	21.300	42.834.300.000	2,00

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này,

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MẪU SỐ B 07 - QĐT

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
(tiếp theo)**

Stt	Chi tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/ Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			358.288.791.386	16,75
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	3.769.466	17.833	67.220.887.178	3,14
2	Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật An Giang	2.866.980	43.500	124.713.630.000	5,83
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	2.178.343	12.533	27.301.172.819	1,28
4	Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	770.000	26.667	20.533.590.000	0,96
5	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	221.638	14.167	3.139.945.546	0,15
6	Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè	550.000	17.600	9.680.000.000	0,45
7	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	321.319	21.667	6.962.018.773	0,33
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	714.600	11.100	7.932.060.000	0,37
9	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương 25	300.000	53.833	16.149.900.000	0,75
10	Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam	99.979	18.250	1.824.616.750	0,09
11	Công ty Cổ phần Phát triển A&B	11.922	2.977.560	35.498.470.320	1,66
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	1.000.000	18.833	18.833.000.000	0,88
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	1.500.000	12.333	18.499.500.000	0,86
III	Quyền mua cổ phiếu niêm yết			1.203.500.000	0,06
1	Quyền mua IMP	145.000	8.300	1.203.500.000	0,06

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MẪU SỐ B 07 - QĐT

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
(tiếp theo)**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
IV	Các tài sản khác			18.806.114.791	0,88
1	Cổ tức được nhận			13.937.191.726	0,65
2	Lãi phải thu			1.738.416.665	0,08
3	Phải thu bán chứng khoán			2.080.506.400	0,10
4	Phải thu khác			1.050.000.000	0,05
V	Tiền			142.813.506.433	6,68
1	Tiền gửi ngân hàng			142.813.506.433	6,68
VI	Tổng giá trị danh mục			2.138.596.089.910	100,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24 tháng 3 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 30.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 10 năm theo Quyết định số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22 tháng 9 năm 2004 của UBCKNN.

Theo Quyết định số 486/QĐ-UBCK ngày 5 tháng 7 năm 2006 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 20.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 50.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 500 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 144/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 3 năm 2007 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 50.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 100.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên, Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận và/hoặc lãi trên vốn cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và cổ phiếu sẽ niêm yết. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhắm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, v.v., qua đó đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư, đồng thời tăng giá trị của các hoạt động đầu tư do Quỹ thực hiện.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)*****Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“các Sở Giao dịch Chứng khoán”) vào ngày định giá có liên quan. Chứng khoán chưa niêm yết có giao dịch tại các công ty chứng khoán được đánh giá lại bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cung cấp tại ngày định giá.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 Vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành.

2.7 Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	5.813.506.433	54.471.377.499
2. Tiền gửi có kỳ hạn:		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	25.000.000.000
Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu	-	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	60.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	30.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa	40.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	7.000.000.000	-
	<u>142.813.506.433</u>	<u>146.471.377.499</u>

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.732.443.523.867	(114.959.346.567)	1.617.484.177.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	382.729.280.577	(24.440.489.191)	358.288.791.386
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	-	1.203.500.000	1.203.500.000
	<u>2.115.172.804.444</u>	<u>(138.196.335.758)</u>	<u>1.976.976.468.686</u>

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2009 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.532.935.742.446	39.911.590.054	1.572.847.332.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	409.237.745.677	67.673.456.802	476.911.202.479
Trái phiếu chính phủ	170.000.000.000	(9.476.650.000)	160.523.350.000
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	-	56.091.000.000	56.091.000.000
	<u>2.112.173.488.123</u>	<u>154.199.396.856</u>	<u>2.266.372.884.979</u>

3.3 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.4 Phải thu khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phải thu lãi trái phiếu	-	7.684.935.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.738.416.665	137.388.889
Phải thu cổ tức	13.937.191.726	3.023.934.000
Phải thu khác (*)	1.050.000.000	5.050.000.000
	<u>16.725.608.391</u>	<u>15.896.257.889</u>

(*) Phải thu khác thể hiện khoản đặt cọc 10% trên giá trị đấu giá mua 1 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.5 Phải trả hoạt động đầu tư

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	6.973.468.000	37.517.280.000
Phí môi giới phải trả	211.320.836	519.490.514
	<u>7.184.788.836</u>	<u>38.036.770.514</u>

(*) Khoản này thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam và khoản tiền còn phải trả cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel.

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phí quản lý Quỹ	3.549.956.574	4.146.947.577
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	156.198.089	165.877.903
	<u>3.706.154.663</u>	<u>4.312.825.480</u>

3.7 Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp trên cổ tức

Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được giữ lại trên cổ tức trả cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Số tiền này được chuyển cho công ty Quản lý Quỹ để làm thủ tục quyết toán thuế.

3.8 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.9 Vốn góp của nhà đầu tư

3.9.1 Vốn góp

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

3.9.2 Thặng dư vốn

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thặng dư vốn đầu năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
Thặng dư vốn tăng trong năm	-	-
Thặng dư vốn giảm trong năm	-	-
Thặng dư vốn cuối năm	<u>1.224.170.820.910</u>	<u>1.224.170.820.910</u>

3.10 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	255.699.733.211	(527.198.777.562)
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	(203.602.764.398)	902.898.510.773
Cổ tức phân phối trong năm (*)	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
Số dư cuối năm	<u>(97.903.031.187)</u>	<u>255.699.733.211</u>

(*) Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 được tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2010 đã thông qua quyết định chi trả bằng tiền mặt cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 10% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 5% cho các nhà đầu tư dựa trên lợi nhuận thực tế của năm 2009 và lợi nhuận thực tế tại thời điểm tổ chức đại hội. Theo đó, Quỹ tiến hành chi trả cổ tức vào ngày 12 tháng 5 năm 2010 với tổng số tiền là 150 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Phí và chi phí khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	275.995.723	339.158.370
Phí hợp Ban Đại diện Quỹ	179.519.333	158.473.405
Phí môi giới bán chứng khoán	1.749.090.731	1.927.319.514
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.12(iii))	597.999.996	638.000.000
Chi phí khác	180.533.784	168.099.694
	<u>2.983.139.567</u>	<u>3.231.050.983</u>

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	<u>47.222.643.954</u>	<u>43.724.806.268</u>

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thưởng hoạt động (2009: 0).

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank"), ngân hàng giám sát

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	<u>1.946.394.612</u>	<u>1.856.576.787</u>

Quỹ đã chỉ định Vietcombank làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTC-CST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	597.999.996	638.000.000

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2010	2009
	%	%
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	92,44	89,65
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	92,39	81,08
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	75,63	62,22
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	16,75	18,86
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	0,00	6,35
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng tài sản	0,06	2,22
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	6,68	5,79
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	0,00	0,00
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	-7,02	3,14
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	2,50	0,17

II. Các chỉ số thị trường

	2010	2009
1, Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	100.000.000	100.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối năm	0,322%	0,316%
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	49,00%	38,00%
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	21.263	24.799

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 10 tháng 2 năm 2011, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tăng 62.874.971.649 đồng lên 2.189.142.761.372 đồng so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2011.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Bà Trương Thị Thúy Nga
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc